**Đơn xin thuê nhà**

　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Chữ ký người làm đơn

＊Hãy điền vào mẫu này bằng tiếng Nhật (chữ Hiragana, chữ Katakana, chữ Hán) hoặc tiếng Anh (alphabet) .

**1. Thông tin chung về chung cư**

Tên chung cư:　　　　　　　　　　　　　　　　　Số phòng:

　Tiền nhà:　　　　　　　　　　　　　　　yên/tháng　　　　　　　Tiền cọc:　　　　　　　　　　　　　　　　 yên

　Phí quản lý:　　　　　　　　　　　　　　　　 yên　　　　　　　Các khoản chi phí khác:　　　　　　　　　　yên

Ngày dự định vào nhà: ngày　　　tháng　　　năm

**2. Người làm đơn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Thông tin liên lạc | Địa chỉ (〒　　　−　　　　) | |
| Tel (nhà) 　　 (　　　　　) 　　　　Tel (di động) 　　 (　　　　　) | |
| E-mail:　　　　　　　　　@　　　　　　　　　Fax:　　 (　　　　　) | |
| ② Tên | Alphabet | |
| Nam・Nữ | |
| ③ Ngày tháng năm sinh | Sinh ngày: ngày tháng năm 　　 (　　　　　　　) tuổi | |
| 1. Ngôn ngữ có thể hiểu | Ngôn ngữ 1　　　　　　　　　　　　　Ngôn ngữ 2　　　　　　　　　　　Ngôn ngữ 3 | |
| 1. Trường hợp nơi ở hiện tại là nhà thuê | Số năm cư trú tính đến hiện tại　　　　　　　　　năm | |
| Tên chủ nhà　　　　　　　　 　Tel:　　　　　 (　　　　　) | |
| Tên công ty quản lý bất động sản | Tên　　　　　　　　　　　　　Tel:　　　　　 (　　　　　) |
| Địa điểm |
| 1. Thu nhập | Thu nhập trước thuế | |
| Nguồn thanh toán tiền thuê nhà khác ngoài nguồn từ người đứng tên hợp đồng  1. Tiền học bổng　　2. Tiền được chu cấp　　3. Tiền trợ cấp 　　4. Các khoản chi phí khác: | |
| Số tiền thanh toán　　　　　　　　　　　　yên/tháng | |

**3. Nơi làm việc・Trường học**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Thông tin liên lạc | Tên　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Tel:　　　　　 (　　　　　) |
| Địa chỉ hiện nay (〒　　　−　　　　) |
| Địa điểm làm việc (Trường hợp nơi làm việc khác với địa chỉ ghi ở trên)  　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Tel:　　　　　 (　　　　　) |
| Phòng ban hoặc Khoa / Bộ môn (Chuyên ngành) |
| Thời điểm vào công ty (hoặc thời điểm nhập học) 　　　　　năm tháng |
| ② Nghề nghiệp | 1. Nhân viên công ty・Công chức　2. Kinh doanh tự do・Lao động tự do　3. Làm thêm・Làm bán thời gian　　4. Khác |
| ③ Loại hình trường học | 1. Đại học 2. Cao đẳng 3. Cao học 4. Trường nghề 5. Trường tiếng Nhật 　6. Khác |
| Trường hợp số năm làm việc chưa đủ 1 năm thì điền tên công ty cũ và số năm làm việc tại đó.  Tên công ty cũ　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Số năm công tác　　　　　năm　　　　　tháng | |

**4. Người dự định ở cùng (trừ người làm đơn)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên 　　　　　　　　　　　　　　　Giới tính　　　　　Tuổi | Quan hệ với người làm đơn (Điền mã số) | Thu nhập  (vạn Yên) |
| Nam・Nữ　　　　　tuổi |  | yên/năm |
| Nam・Nữ　　　　　tuổi |  | yên/năm |
| Nam・Nữ　　　　　tuổi |  | yên/năm |
| Nam・Nữ　　　　　tuổi |  | yên/năm |
| Quan hệ với người làm đơn　 (1. Vợ / Chồng　　2. Người thân　　3. Họ hàng　 4. Bạn bè・Người quen　　5. Khác) | | |

**5. Người bảo lãnh liên đới (Ô có dấu ＊ chỉ dành cho người nước ngoài)**

|  |  |
| --- | --- |
| ① Thông tin liên lạc | Địa chỉ (〒　　　−　　　　) |
| Tel (nhà) 　　 (　　　　　) 　　　　Tel (di động) 　　 (　　　　　) |
| E-mail:　　　　　　　　　@　　　　　　　　　Fax:　　 (　　　　　) |
| ② Tên | Alphabet |
|  |
| ③ Ngày tháng năm sinh | Sinh ngày: ngày tháng năm　　 (　　　　　　　) tuổi |
| ＊④ Ngôn ngữ có thể hiểu | 1 thứ tiếng　　　　　　　　　2 thứ tiếng　　　　　　　　3 thứ tiếng |
| ⑤ Quan hệ với người làm đơn | 1.Gia đình　2.Họ hàng　3.Bạn bè・Người quen　4. Người quen tại công ty　5. Người quen tại trường (trừ học sinh, sinh viên) 6. Khác |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ⑥ Thông tin nơi làm việc | Tên　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Tel:　　　　　 (　　　　　) | | | |
| Địa chỉ hiện nay (〒　　　−　　　　) | | | |
| Địa điểm làm việc (Trường hợp nơi làm việc khác với địa chỉ ghi ở trên)  　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　Tel:　　　　　 (　　　　　) | | | |
| Số năm công tác　　　　　　　　　　　năm | | | |
| ＊⑦ Số năm lưu trú tại Nhật Bản | | năm | ⑧ Thu nhập trước thuế | Vạn yên/năm |

**6. Người liên lạc khẩn cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Thông tin liên lạc | Địa chỉ (〒　　　−　　　　) |
| Tel (nhà) 　　 (　　　　　) 　　　　Tel (công ty) 　　 (　　　　　) |
| Tel (di động) 　　 (　　　　　) |
| 1. Tên | Alphabet |
|  |
| ③ Quan hệ với người làm đơn | 1.Gia đình　2.Họ hàng　3.Bạn bè・Người quen　4. Người quen tại công ty　5. Người quen tại trường (trừ học sinh, sinh viên) 6. Khác |

**Chú ý**

1. Nếu phát hiện có nội dung khai báo sai, chúng tôi sẽ từ chối đơn.

2. Đơn này phải do chính người thuê nhà khai.

3. Đơn này chỉ có hiệu lực khi người thuê nhà chính là người khai tờ đơn này. Đơn này sẽ không có hiệu lực khi thay đổi người ở hoặc cho thuê lại.

4. Tùy vào kết quả thẩm định mà sẽ có trường hợp chúng tôi phải từ chối đơn. Lý do từ chối chúng tôi không thể trả lời được, rất mong nhận được sự thông cảm.

5. Chúng tôi có thể sẽ liên lạc đến cơ quan hoặc trường học để xác nhận về việc bạn đang làm việc hoặc đang học tại đó.

6. Đối với người bảo lãnh liên đới, chúng tôi sẽ liên lạc vào một ngày sau đó để xác nhận lại về việc chấp thuận làm người bảo lãnh.

Không cần điền phần sau dấu ＊

Phần điền dành cho công ty　　　Giấy phép do Tỉnh trưởng cấp (　　　　　　　　　　　) 　 (Tên công ty　　　　　　　　)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày tháng năm làm đơn | Ngày tháng năm | Tên người phụ trách |
| Xác nhận của người làm đơn | Hộ chiếu/Thẻ đăng ký người nước ngoài/  khác (　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　) | |
| Nội dung sơ lược |  | |
| Tên công ty hợp tác | Tel:　　 (　　　　) | |
| Ngày dự định ký hợp đồng | Ngày tháng năm | |
| Ngày dự định đến ở | Ngày tháng năm | |

Phần ghi chú